
Từ ngày 1/1/N đến ngày 31/12/N

ST T	Tên án chỉ	Mẫu, ký hiệu	Đơn vị tính	Tồn đầu kỳ toàn đơn vị		Nhận trong kỳ			Xuất trong kỳ				Tồn cuối kỳ toàn đơn vị		Ghi chú
				Tồn g số	Trong đó: Số hồng	Nhậ n từ đơn vị cấp trên	Nhậ n khác (số thừa sau kiểm kê, ...)	Tổng nhận	Thực sử dụng/bá n	Xuấ t trả đơn vị cấp trên	Xuất khác (hư hỏng, tổn thất)	Tổng xuất	Tổng số	Trong đó: Số hồng	
A	B	C	D	1	2	3	4	5= 3+4	6	7	8	9= 6+7+8	10= 1+5-9	18	19
	Tổng cộng (A+B+C+D)				-		-	-		-	-	-	-		

A	Ấn chỉ cấp phát			-		-	-	-		-	-	-	-	-		
I	Các loại sổ, biểu mẫu, chứng từ báo cáo			-		-	-	-		-	-	-	-	-		
1	Sổ quỹ tiền mặt	08/SKT-01	Quyết n					-					-	-		
2	Sổ chi tiết thu VPHC trong lĩnh vực thuế	16/SKT-01	Quyết n					-					-	-		
3	Sổ chi tiết thu VPHC ngoài lĩnh vực thuế	17/SKT-01	Quyết n					-					-	-		
4	Sổ kho hàng tạm giữ	20/SKT-01	Quyết n					-					-	-		
5	Sổ theo dõi loại ấn chỉ cấp phát với cấp trên	21a/SKT-01	Quyết n					-					-	-		
6	Sổ theo dõi loại ấn chỉ cấp phát (dùng cho Hải quan cửa khẩu)	21b/SKT-01	Quyết n					-					-	-		
7	Tổng hợp tình hình biên lai	22a/SKT-01	Quyết n					-					-	-		

8	Sổ tổng hợp tình hình biên lai cấp cửa khẩu	22b/SKT-01	Quyết n						-				-	-		
9	Sổ kho ấn chỉ	24/SKT-01	Quyết n						-				-	-		
10	Sổ thanh toán loại ấn chỉ bán thu tiền với cấp dưới (dùng cho cấp Cục)	25/SKT-01	Quyết n						-				-	-		
11	Sổ theo dõi chi phí phát hành	28/SKT-01	Quyết n						-				-	-		
12	Sổ trực lãnh đạo	STR-LD	Quyết n						-				-	-		
13	Biên bản VPHC trong lĩnh vực hải quan (2014)	BB-HC1	Bộ						-				-	-		
14	Sổ đăng ký tờ khai nhập khẩu	MD1	Quyết n						-				-	-		
15	Sổ đăng ký tờ khai xuất khẩu	MD2	Quyết n						-				-	-		

16	Bìa hồ sơ VPHC về hải quan	KS3	Tờ						-				-	-		
17	Phiếu nhập kho	HQ31	Quyển						-				-	-		
18	Phiếu xuất kho	HQ32	Quyển						-				-	-		
19	Phiếu thu	HQ33	Quyển						-				-	-		
20	Phiếu chi	HQ34	Quyển						-				-	-		
									-				-	-		
II	Tờ khai cấp phát				-		-	-	-		-	-	-	-	-	
1	Tờ khai hải quan dùng cho người xuất cảnh/nhập cảnh (2015)		Tờ						-				-	-		
2	Túi đựng tờ khai hải quan dùng cho người xuất cảnh/nhập cảnh (2015)		Chiếc						-				-	-		

3	Tờ khai nhập cảnh - xuất cảnh		Tờ					-				-	-		
4	Tờ khai PTVT đường bộ tạm nhập - tái xuất (2015)		Bộ					-				-	-		
5	Tờ khai PTVT đường bộ tạm xuất - tái nhập (2015)		Bộ					-				-	-		
6	Tờ khai PTVT đường thủy nội địa tạm nhập - tái xuất (2015)		Bộ					-				-	-		
7	Tờ khai PTVT đường thủy nội địa tạm xuất - tái nhập (2015)		Bộ					-				-	-		
								-				-	-		
III	Tem Hải quan			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
1	Tem thu lệ phí hàng hóa, PTVT quá cảnh		Chiếc					-				-	-		
2	Tem thu lệ phí làm thủ tục Hải quan		Chiếc					-				-	-		

3	Tem thuốc lá điều nhập khẩu		Chiếc						-				-	-		
4	Tem xì gà nhập khẩu		Chiếc						-				-	-		
									-				-	-		
IV	Sổ định mức, sổ định lượng ngoại giao			-		-		-	-		-	-	-	-		
1	Sổ định mức hàng miễn thuế cá nhân P16/CN kèm theo phụ lục	P16/CN	Quyển						-				-	-		
2	Sổ định lượng tem CA/...		Quyển						-				-	-		
3	Sổ định mức hàng miễn thuế cá nhân P20/CN, kèm theo phụ lục	P20/CN	Quyển						-				-	-		
4	Sổ định lượng tem BA/... cấp cho CBNG		Quyển						-				-	-		
5	Sổ định lượng tem BA/... cấp cho TDD		Quyển						-				-	-		

6	Sổ định lượng tem BA/... cấp cho TCBNG		Quyền						-				-	-		
7	Sổ định mức hàng miễn thuế tập thể P40/TT, kèm theo phụ lục	P40/TT	Quyền						-				-	-		
8	Sổ định lượng tem AA/...		Quyền						-				-	-		
									-				-	-		
V	Biên lai Hải quan			-		-	-	-		-	-	-	-	-		
1	Biên lai thuế xuất khẩu	01/XK (HQ/2009)	Số						-				-	-		
2	Biên lai thu thuế đối với hàng hóa nhập khẩu	02/HNK (HQ/2012)	Số						-				-	-		
3	Biên lai thu tiền	CTT11-HQ	Số						-				-	-		
4	Biên lai thu hộ lệ phí	01-LPTH (BL/2009)	Số						-				-	-		
									-				-	-		
VI	Niêm phong Hải quan			-		-	-	-		-	-	-	-	-		

1	Seal dây cáp đồng		Chiếc					-				-	-		
2	Seal dây nhựa dẹt		Chiếc					-				-	-		
3	Seal nhựa đốt trúc		Chiếc					-				-	-		
4	Seal cáp thép		Chiếc					-				-	-		
5	Seal container		Chiếc					-				-	-		
6	Niêm phong giấy		Chiếc					-				-	-		
7	Cuộn dây đồng		Cuộn					-				-	-		
								-				-	-		
B	Ấn chỉ bán thu tiền			-		-	-	-		-	-	-	-		
1	Tờ khai nguồn gốc xe ô tô nhập khẩu	TKXOT-01/HQ/2009	Số					-				-	-		
2	Tờ khai nguồn gốc xe máy nhập khẩu	TKXGM-01/HQ/2009	Số					-				-	-		
3	Tem rượu nhập khẩu độ cồn ≥ 30 độ	TRNK	Chiếc					-				-	-		
4	Tem rượu nhập khẩu độ cồn < 30 độ	TRNK	Chiếc					-				-	-		

5	Tem miễn thuế “VIETNAM DUTY NOT PAID” (loại nhỏ)	MT-01	Chiếc						-				-	-	
6	Tem miễn thuế “VIETNAM DUTY NOT PAID” (loại lớn)	MT-02	Chiếc						-				-	-	
									-				-	-	
C	Ấn chỉ hết giá trị sử dụng				-		-	-	-		-	-	-	-	
									-				-	-	
D	Tem, Biên lai Tổng cục Thuế				-		-	-	-		-	-	-	-	
1	Biên lai thuế thu nhập	CTT10B	Bộ						-				-	-	
2	Biên lai thuế thu nhập song ngữ	CTT10B/06	Bộ						-				-	-	
3	Biên lai thu tiền	CTT11	Bộ						-				-	-	
4	Biên lai lệ phí	01-LPHQ	Bộ						-				-	-	
5	Biên lai thuế phụ thu	CTT37	Bộ						-				-	-	

6	Biên lai thu tiền phạt	CTT45	Bộ					-				-	-		
7	Biên lai thuế TTĐB	CTT46	Bộ					-				-	-		
8	Biên lai thuế XNK	CTT52	Bộ					-				-	-		
9	Biên lai thuế thu nhập cá nhân	CTT55	Bộ					-				-	-		
10	Giấy nộp tiền bằng tiền mặt	C1-02/NS/06	Bộ					-				-	-		
11	Hóa đơn bán hàng		Chiếc					-				-	-		

Thuyết minh các nội dung khác (nếu có):

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Lãnh đạo Phòng/Bộ phận
(Ký, họ tên)

....., ngày....tháng..... năm.....
Thủ trưởng đơn vị Tổng cục
(Ký, họ tên, đóng dấu)

XÁC NHẬN CỦA CỤC HẢI QUAN

Kế toán ấn chỉ
(Ký, họ tên)

Lãnh đạo Phòng/Bộ phận
(Ký, họ tên)

....., ngày.....tháng..... năm.....
Thủ trưởng đơn vị Cục
(Ký, họ tên, đóng dấu)